

7. Circle the odd one out. Chọn từ khác loại

- | | | |
|--------------------|-------------|----------|
| 1. A: my | B: your | C: name |
| 2. A: what | B: sit down | C: how |
| 3. A: Tom | B: he | C: she |
| 4. A: Bobby | B: you | C: Linh |
| 5. A: hi | B: Hello | C: Lucy |
| 6. A: hi | B: bye | C: hello |
| 7. A: bye | B: goodbye | C: name |
| 8. A: good morning | B: hello | C: I |
| 9. A: her | B: his | C: what |
| 10. A: hands up | B: my | C: your |

8. Choose the best answer. Chọn đáp án đúng

- Hello class. _____ down, please.
A: hi B: in C: sit D: you
- _____ name's Vy.
A: My B: I C: he D: She
- My name is Rosy. What 's _____ name ?
A: my B: your C: she D: me
- Open. _____ book, please.
A: I B: he C: she D: your
- What's _____ name?- His name is Tom.
A: his B: he C: she D : her
- "_____ is her name ?" – " She is Lucy."
A: How B: What: C: Please D: What is
- What's her name?- _____ name is Sue.
A: His B: My C: Your D : Her